

Bản án số: 750/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1434/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thiện A**, sinh ngày 30/09/1991; Căn cước công dân số ***911

Thường trú: số 28/4A Tôn Thất Tùng, khu phố A, phường B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà **Phan Võ Ngọc H**, sinh ngày 10/04/1991; Căn cước công dân số ***307

Thường trú: số 28/4A Tôn Thất Tùng, khu phố A, phường B, Thành phố H.

Địa chỉ cư trú: 241 Tạ Quang Bửu, phường C, Thành phố H.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2026 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Nguyễn Thiện A trình bày:

Bà Phan Võ Ngọc H và ông Nguyễn Thiện A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân P, quận G, Thành phố H. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự khác biệt về lối sống và quan điểm sống khác nhau nên không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần cố hàn gắn nhưng không thành vì không còn sự thấu hiểu

và chia sẻ gì với nhau nên vợ chồng không còn sống chung khoảng 10 năm nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, ông Thiện A đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Bà H và ông Thiện A có một con chung tên Nguyễn Thiên H, sinh ngày 31/03/2014. Sau khi ly hôn, ông Thiện A đề nghị giao con chung cho mẹ là bà Phan Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Thiện A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng.

Về tài sản chung: Ông Thiện A xác định ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Thiện A xác định ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Phan Võ Ngọc H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của ông Thiện A nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – ông Nguyễn Thiện A, bị đơn – bà Phan Võ Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thiện A và bà Phan Võ Ngọc H có đăng ký kết hôn, ông Thiện A yêu cầu ly hôn với bà Ngọc H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là bà Phan Võ Ngọc H đang cư trú tại phường C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành

phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện A và bị đơn bà Phan Võ Ngọc H cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130 Quyền số 02/2011 do Ủy ban nhân dân P, quận G, Thành phố H cấp ngày 27/12/2011, cùng lời khai của ông Thiện A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông Thiện A là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình chung sống, bà H và ông Thiện A xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã không sống đến nay khoảng 10 năm. Vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, chia sẻ với nhau về cuộc sống gia đình. Ông Thiện A xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà H và ông Thiện A đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã cho ông Thiện A và bà H thời gian để các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, ông Thiện A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà H. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thiện A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà H và ông Thiện A có một con chung tên Nguyễn Thiên H, sinh ngày 31/03/2014. Con chung hiện đang sống cùng bà H nên ông Thiện A đề nghị giao con chung cho mẹ là bà Phan Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Thiện A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Ông Thiện A trình bày từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung vẫn sống cùng mẹ và ông yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con. Bà H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng. Theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên yêu cầu của ông Thiện A đảm bảo quyền lợi về chấp nhận. Do đó, việc giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông Thiện A phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về tài sản chung: Ông Thiện A xác định ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Ông Thiện A xác định ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Thiện A phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thiện A:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thiện A được ly hôn với bà Phan Võ Ngọc H (Giấy chứng nhận kết hôn số 130, Quyền số 02/2011 ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân P, quận G, Thành phố H).

- Về con chung: Bà H và ông Thiện A có một con chung tên Nguyễn Thiên H, sinh ngày 31/03/2014. Giao cho bà Phan Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên H. Ông Nguyễn Thiện A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên.

Ông Nguyễn Thiện A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Thiện A xác định ông và bà H không có tài chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Thiện A xác nhận ông và bà H không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 600.000đồng, bao gồm: án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Thiện A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu BLTU/26E số 0014033 ngày 05/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Thiện A phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga